

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242,015,510,040	227,745,299,965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,118,684,030	1,857,315,113
1. Tiền	111	V.01	1,118,684,030	1,857,315,113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10,735,000,000	12,495,408,134
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10,735,000,000	12,495,408,134
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172,921,915,254	162,904,178,316
1. Phải thu khách hàng	131		122,629,133,829	133,865,392,797
2. Trả trước cho người bán	132		40,850,862,175	15,909,864,753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	17,591,463,502	20,454,737,872
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(8,149,544,252)	(7,325,817,106)
IV. Hàng tồn kho	140		47,410,770,566	49,755,173,666
1. Hàng tồn kho	141	V.04	47,410,770,566	49,755,173,666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,829,140,190	733,224,736
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73,644,013	11,125,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29,106,882	546,128,768
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9,726,389,295	175,970,968



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,080,541,187,380	2,132,833,417,167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,846,760,135	6,824,239,627
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2,956,838,496	4,448,871,172
- Nguyên giá	222		9,815,089,238	11,487,253,889
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,858,250,742)	(7,038,382,717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1,728,910,039	2,214,356,855
- Nguyên giá	225		3,291,281,594	3,291,281,594
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,562,371,555)	(1,076,924,739)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		44,270,176	44,270,176
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(44,270,176)	(44,270,176)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	161,011,600	161,011,600
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	2,075,236,501,019	2,125,101,411,046
1. Đầu tư vào công ty con	251		2,018,336,994,428	2,018,316,994,428
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		110,250,000,000	122,250,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46,282,533,504	48,204,049,072
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(99,633,026,913)	(63,669,632,454)
V. Tài sản dài hạn khác	260		457,926,226	907,766,494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	298,926,226	748,766,494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		159,000,000	159,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,322,556,697,420	2,360,578,717,132

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		215,976,399,566	219,888,261,567
I. Nợ ngắn hạn	310		185,857,286,799	186,864,335,726
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	70,120,716,234	92,666,641,350
2. Phải trả người bán	312		88,160,339,830	83,550,908,918
3. Người mua trả tiền trước	313		13,004,709,315	2,333,748,424
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	25,515,590	1,122,092,877
5. Phải trả người lao động	315		122,392,347	142,268,266
6. Chi phí phải trả	316	V.17	853,829	853,829
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	13,707,241,195	6,332,303,602
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		715,518,460	715,518,460
II. Nợ dài hạn	330		30,119,112,767	33,023,925,841
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		556,792,003	643,488,003
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1,234,959,157	2,734,575,157
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	28,327,361,607	29,645,862,681
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,106,580,297,854	2,140,690,455,565
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2,106,580,297,854	2,140,690,455,565
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,924,844,130,000	1,924,844,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74,155,820,000	74,155,820,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3,721,683,671	3,721,683,671
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		103,858,664,183	137,968,821,894
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,322,556,697,421	2,360,578,717,132

0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		562.00	588.07
ERU		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2013

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2013

Đơn vị tính: VND

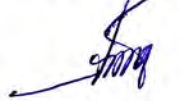
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm nay	Quý III năm trước	LK đến quý III Năm nay	LK đến quý III Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	39,887,032,037	57,155,909,675	133,588,641,972	165,888,794,353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	205,673,528	936,112,409	2,021,319,640	8,279,999,906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	39,681,358,509	56,219,797,266	131,567,322,332	157,608,794,447
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	38,466,504,015	59,112,864,569	127,375,449,853	160,235,618,850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,214,854,494	-2,893,067,303	4,191,872,479	(2,626,824,403)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	5,195,472,807	1,352,071,759	13,885,627,533	9,763,771,875
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2,184,994,403	11,996,225,653	45,934,725,384	9,894,643,519
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,015,785,225	5,048,598,763	9,787,436,686	13,224,924,624
8. Chi phí bán hàng	24		80,305,432	292,024,271	365,917,236	1,953,886,093
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,357,074,908	1,212,745,987	6,351,521,271	5,206,505,948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,787,952,557	-15,041,991,455	(34,574,663,880)	(9,918,088,088)
11. Thu nhập khác	31		16,246,711	17,460,344,777	300,720,739	18,964,585,921
12. Chi phí khác	32		12,840,200	818,853,744	1,154,715,645	2,302,912,871
13. Lợi nhuận khác	40		3,406,511	16,641,491,033	(853,994,906)	16,661,673,050
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,791,359,068	1,599,499,578	(35,428,658,786)	6,743,584,962
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	517,312,391	-	1,396,313,107
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	(439,500,358)	-439,500,358	(1,318,501,074)	(1,318,501,074)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3,230,859,426	1,521,687,545	(34,110,157,712)	6,665,772,929
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2013

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối	
		Quý III năm nay	Quý III năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	161,137,023,413	157,054,080,739
2. Tiền chi trả cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(101,767,704,624)	(47,231,031,243)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(1,713,147,024)	(2,144,167,884)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(9,773,743,318)	(13,708,914,173)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(879,000,716)	(2,853,208,550)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	92,968,745,227	922,345,055,302
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(77,956,711,808)	(605,203,084,629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	62,015,461,150	408,258,729,562
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(823,419)	(1,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua bán CCDC của đơn vị khác	23		(87,330,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,069,100,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,700,058,560)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	41,494,001,656	(5,945,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32,793,119,677	(54,206,900,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15,192,200,000	43,619,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109,864,766,251)	(423,288,951,569)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(873,905,974)	(3,398,589,152)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(95,546,472,225)	(383,068,540,721)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(737,891,398)	(29,016,711,158)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1,856,575,428	30,538,099,713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(124,534)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1,118,684,030	1,521,264,021

Hà nội, ngày 06 tháng 11 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Anh

Bùi Kim Yến

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa.
- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng.
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng;
- Nhận uỷ thác đầu tư.

- ...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị văn phòng
- Tài sản cố định khác

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này).

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	825,669,173	783,768,785
- Tiền gửi ngân hàng	293,014,857	1,073,546,328
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>1,118,684,030</u>	<u>1,857,315,113</u>
02. DT Tài chính "xen trang 16"		
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	17,591,463,502	20,454,737,872
+ Công ty Cổ phần Động Lực	-	10,460,000,000
+ Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	4,277,778	14,080,516
+ Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	113,084,470	113,084,470
+ Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	814,076,172	814,076,172
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	90,420,170	132,148,483
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	939,935,416	209,458,333
+ Công ty TNHH MTV Hanel	-	337,893,832
+ Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	15,540,216,265	8,160,216,265
+ Khác	89,453,231	213,779,801
Cộng	<u>17,591,463,502</u>	<u>20,454,737,872</u>
04. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	18,722,819,632	20,652,742,780
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7,641,366,858	5,844,884,262
- Thành phẩm	18,335,063,371	18,736,128,165
- Hàng hoá	2,671,092,468	4,480,990,222
- Hàng gửi đi bán	40,428,237	40,428,237
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>47,410,770,566</u>	<u>49,755,173,666</u>
05. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	8,411,579,092	175,970,968
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,314,810,203	-
Cộng	<u>9,726,389,295</u>	<u>175,970,968</u>
06. Tài sản cố định "xem trang 12-14"		
07. Các khoản đầu tư dài hạn "xem trang 16-17"		
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bao gồm các công trình:		
- Đầu tư mua sắm máy móc	161,011,600	161,011,600
Cộng	<u>161,011,600</u>	<u>161,011,600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	298,926,226	538,230,791
- Chi phí sửa chữa	-	176,716,879
- Chi phí quảng cáo	-	33,818,824
Cộng	<u>298,926,226</u>	<u>748,766,494</u>

10. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	159,000,000	159,000,000
Cộng	<u>159,000,000</u>	<u>159,000,000</u>

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	<u>69,963,173,565</u>	<u>91,635,102,708</u>
- Vay ngân hàng	67,117,403,565	86,630,332,708
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội	20,265,827,708	36,601,827,708
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - CN Hà Nội		37,265,000
+ Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	46,851,575,857	49,991,240,000
- Vay đối tượng khác	2,845,770,000	5,004,770,000
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam		2,178,000,000
+ Công ty CP thiết kế Salvador Perez Arroyo và cộng sự	1,000,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	700,000,000	2,306,000,000
+ Công ty CP Alphanam - Cienco 4	40,000,000	40,000,000
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện		220,000,000
+ Công ty Cổ phần Hùng Siển Kim Sơn	845,000,000	-
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260,770,000	260,770,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>157,542,669</u>	<u>1,031,538,642</u>
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	352,767,967
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	352,767,967
- Nợ thuê tài chính	157,542,669	678,770,675
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	157,542,669	678,770,675
Cộng	<u>70,120,716,234</u>	<u>92,666,641,350</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	117,038,126
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	106,397,847
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	879,000,716
- Thuế thu nhập cá nhân	25,515,590	19,656,188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	<u>25,515,590</u>	<u>1,122,092,877</u>
13. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khác	853,829	853,829
Cộng	<u>853,829</u>	<u>853,829</u>
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	19,089,046	26,721,938
- Kinh phí công đoàn	268,604,991	267,455,991
- Bảo hiểm xã hội	11,116,300	-
- Bảo hiểm y tế	2,326,500	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	954,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6,227,150,358	6,038,125,673
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung	1,799,451,027	1,811,129,027
+ Công ty CP Alphanam Sài Gòn	323,792,098	1,612,078,447
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	621,268,456	-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam	370,385,000	-
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	1,399,577,040
+ Các đối tượng khác	3,112,253,777	1,215,341,159
Cộng	<u>13,707,241,195</u>	<u>6,332,303,602</u>
15. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	-	1,499,616,000
- Vay dài hạn ngân hàng	-	1,499,616,000
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	1,499,616,000
Nợ dài hạn	1,234,959,157	1,234,959,157
- Nợ thuê tài chính	1,234,959,157	1,234,959,157
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	1,234,959,157	1,234,959,157
Cộng	<u>1,234,959,157</u>	<u>2,734,575,157</u>
16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	29,645,862,681	31,403,864,113
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1,318,501,074)	(1,758,001,432)
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>28,327,361,607</u>	<u>29,645,862,681</u>
17. Vốn đầu tư của CSH "xem trang 15"		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)		
Cộng	<u>Quý III năm nay</u> <u>39,887,032,037</u>	<u>Quý III năm trước</u> <u>57,155,909,675</u>
02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		
Cộng	<u>Quý III năm nay</u> <u>205,673,528</u>	<u>Quý III năm trước</u> <u>936,112,409</u>
03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		
Cộng	<u>Quý III năm nay</u> <u>39,681,358,509</u>	<u>Quý III năm trước</u> <u>56,219,797,266</u>
04. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
Cộng	<u>Quý III năm nay</u> <u>38,466,504,015</u>	<u>Quý III năm trước</u> <u>59,112,864,569</u>
05. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>Quý III năm nay</u> 2,101,886,076	<u>Quý III năm trước</u> 1,190,692,492
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán cổ phiếu	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,284,330,970	-
- Lãi bán hàng trả chậm	(797,528,702)	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	606,784,463	161,379,267
Cộng	<u>5,195,472,807</u>	<u>1,352,071,759</u>
06. Chi phí tài chính (Mã số 22)		
- Lãi tiền vay	<u>Quý III năm nay</u> 3,015,785,225	<u>Quý III năm trước</u> 5,048,598,763
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	47,183,111	20,364,549
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	6,927,262,341
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34,789,110	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(912,763,043)	-
Cộng	<u>2,184,994,403</u>	<u>11,996,225,653</u>
07. Thu nhập khác (Mã số 31)		
- Thu thanh lý tài sản cố định	<u>Quý III năm nay</u> -	<u>Quý III năm trước</u> 425,642,209
- Thu nhập khác	16,246,711	17,885,986,986
Cộng	<u>16,246,711</u>	<u>17,460,344,777</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Chi phí khác (Mã số 32)

	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		610,302,141
- Nguyên vật liệu		-
- Chi phí khác	12,840,200	208,551,603
Cộng	<u>12,840,200</u>	<u>818,853,744</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

4.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco
- Công ty cổ phần Địa ốc Alphanam
- Công ty cổ phần Đô thị Hanel - Alphanam
- Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung
- Công ty Cổ phần công trình giao thông 118-Momota
- Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam
- Công ty Cổ phần sao đỏ
- Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
- Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
- Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
- Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
- Công ty con của Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam
- Công ty con của Công ty Liên doanh Fuji-Alpha
- Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Cty CP Đầu tư Alphanam giữ 12,85% vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Cty CP Đầu tư Minh Nguyên

4.2.1 Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Luỹ kế đến quý III năm nay</i>
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	2,722,465,900
- Thu tiền vay	3,800,000,000
- Trả tiền vay	4,020,000,000
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	18,828,237,301
- Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,768,212,773
- Nhận nợ cổ tức	7,380,000,000
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	
- Mua hàng	31,819,952,371
- Thanh toán tiền hàng	33,410,950,000
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	
- Bán hàng hóa	16,041,952,381
- Mua hàng	10,871,427,857
- Thu tiền bán hàng	16,847,750,000
- Thanh toán tiền hàng	10,015,000,000
	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	
- Mua hàng	15,471,178,800
- Trả trước tiền hàng	17,018,296,680
- Thu tiền bán hàng	2,542,306,269
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	
- Thu tiền bán hàng	254,011,325
- Thanh toán tiền hàng	1,567,384,567
Công ty Cổ phần Xây dựng Alphanam (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex -	
- Bán hàng	2,997,456,000
- Thu tiền bán hàng	13,182,200,000
- Chi tiền cho vay	6,500,000,000
- Thu tiền cho vay	8,500,000,000
- Lãi tiền cho vay	101,513,749
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	
- Bán hàng	1,471,162,242
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	544,838,343
- Thanh toán tiền mua hàng	9,486,016,735
	-
Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	961,150,000
- Thu tiền bán hàng	249,000,000
- Sử dụng dịch vụ	214,673,827
Công ty Cổ phần công trình giao thông 118-Momota	
- Chuyển tiền cho vay	3,820,000,000
- Thu tiền cho vay	3,545,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi tiền cho vay	15,000,000
--------------------	------------

4.2.2 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	12,465,453,392	11,182,571,674
- Phải thu khách hàng	1,524,474,245	1,454,761,755
- Trả trước cho người bán	10,001,043,731	9,518,351,586
- Phải thu ngắn hạn khác	939,935,416	209,458,333
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	28,297,636,763	13,974,788,505
- Phải thu khách hàng	12,757,420,498	5,814,572,240
- Phải thu khác	15,540,216,265	8,160,216,265
Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	-	-
- Phải thu khách hàng	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	113,084,470
- Phải thu khác	-	113,084,470
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	294,635,100	10,955,227,374
- Phải thu khách hàng	294,635,100	10,884,302,924
- Phải thu khác	-	70,924,450
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	979,201,856
- Phải thu khách hàng	-	979,201,856
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	1,689,167,803	1,943,179,128
- Phải thu khách hàng	875,091,631	1,129,102,956
- Phải thu khác	814,076,172	814,076,172
- Công ty Cổ phần công trình giao thông 118-Momota	322,750,000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	275,000,000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	47,750,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	808,265,000	-
- Phải thu khách hàng	808,265,000	-
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	4,277,778	2,063,021,516
- Phải thu khách hàng	-	48,941,000
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	-	2,000,000,000
- Phải thu khác	4,277,778	14,080,516
Cộng nợ phải thu	43,882,185,836	41,211,074,523
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	1,800,000,000	9,787,874,503
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,800,000,000	49,522,917
- Phải trả người bán	-	9,518,351,586
- Vay và nợ ngắn hạn	-	220,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	3,446,835,227	2,662,977,697
- Phải trả người bán	3,446,835,227	2,613,766,827
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	49,210,870
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	53,277,989,000	-
- Phải trả người bán	53,092,989,000	-
- Phải trả ngắn hạn khác	185,000,000	-
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	1,400,000,000	-
- Phải trả người bán	1,400,000,000	-
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	173,333,361	10,302,932,854
- Phải trả người bán	173,333,361	8,903,355,814
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1,399,577,040
Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	903,737,142	67,794,859
- Phải trả người bán	282,468,686	67,794,859
- Phải trả ngắn hạn khác	621,268,456	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	15,740,861,481	16,586,388,554
- Phải trả người bán	12,740,612,305	12,740,612,304
- Người mua trả tiền trước	1,200,798,149	2,034,647,223
- Phải trả ngắn hạn khác	1,799,451,027	1,811,129,027
- Vay và nợ ngắn hạn	-	-
- Phải trả khác	-	-
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	750,341,662	3,581,142,524
- Phải trả người bán	426,549,564	1,969,064,077
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	323,792,098	1,612,078,447
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	10,686,070,068	850,012,668
- Phải trả người bán	850,000,000	850,000,000
- Người mua trả tiền trước	9,836,057,400	-
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12,668	12,668
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	-	2,306,000,000
- Vay và nợ ngắn hạn	-	2,306,000,000
Cộng nợ phải trả	88,179,167,941	46,145,123,659

Giải trình về việc lợi nhuận quý III năm 2013 giảm so với quý III năm 2012:

Quý III năm 2013, Công ty có phần thu nhập từ doanh thu hoạt động tài chính (lãi chậm trả). Trong kỳ Công ty vẫn hoạt động bình thường.

Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến



Hà Nội, Ngày 06 tháng 11 năm 2013

Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	2,723,988,839	3,287,868,465	5,099,830,358	375,566,227	11,487,253,889
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng do sát nhập	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1,077,040,750)	-	-	(1,077,040,750)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(66,613,583)	-	(528,510,318)	-	(595,123,901)
Số dư cuối năm	2,657,375,256	2,210,827,715	4,571,320,040	375,566,227	9,815,089,238
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2,716,625,589	1,561,417,722	2,586,961,054	173,378,352	7,038,382,717
- Khấu hao trong năm	15,247,097	276,307,038	552,493,362	51,945,967	895,993,464
- Tăng do sát nhập	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(600,368,353)	-	-	(600,368,353)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(52,462,252)	-	(423,294,834)	-	(475,757,086)
Số dư cuối năm	2,679,410,434	1,237,356,407	2,716,159,582	225,324,319	6,858,250,742
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	7,363,250	1,726,450,743	2,512,869,304	202,187,875	4,448,871,172
2. Tại ngày cuối năm	(22,035,178)	973,471,308	1,855,160,458	150,241,908	2,956,838,496

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6.2. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	3,291,281,594	3,291,281,594
- Thuê tài chính trong năm	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	3,291,281,594	3,291,281,594
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	1,076,924,739	1,076,924,739
- Khấu hao trong năm	485,446,816	485,446,816
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1,562,371,555	1,562,371,555
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	2,214,356,855	2,214,356,855
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	1,728,910,039	1,728,910,039

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6.3 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	44,270,176	44,270,176
- Mua trong năm	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	44,270,176	44,270,176
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	44,270,176	44,270,176
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	44,270,176	44,270,176
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
- Tại ngày đầu năm	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	645,844,130,000	74,155,820,000	3,448,247,352	3,721,683,671	135,787,068,878	862,956,949,901
- Tăng vốn trong năm trước	1,279,000,000,000	-	-	-	-	1,279,000,000,000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	841,687,918	841,687,918
- Tăng khác	-	-	-	-	1,340,065,098	1,340,065,098
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(3,448,247,352)	-	-	(3,448,247,352)
Số dư cuối năm trước	1,924,844,130,000	74,155,820,000	-	3,721,683,671	137,968,821,894	2,140,690,455,565
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(34,110,157,712)	(34,110,157,712)
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-
- Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,924,844,130,000	74,155,820,000	-	3,721,683,671	103,858,664,183	2,106,580,297,854
	-	-	-	-	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)		10,735,000,000		12,495,408,134
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển hạ tầng Vinacorex Alpha nam		-		2,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Đông lực		10,460,000,000		-
+ Công ty Cổ phần công trình giao thông 118-Mompta		275,000,000		-
+ Công ty TNHH MTV Hanel		-		10,495,408,134
Cộng		10,735,000,000		12,495,408,134

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
7.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	7,200,100	64,228,816,420	7,200,100	64,228,816,420
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	12,300,000	123,000,000,000	12,300,000	123,000,000,000
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	17,243,198	210,494,776,008	17,243,198	210,494,776,008
- Công ty cổ phần Địa Ốc Alphanam	59,803,738	1,620,308,402,000	59,803,738	1,620,308,402,000
- Công ty cổ phần Đô Thị Hanel - Alphanam (a) Cộng	30,500	305,000,000	28,500	285,000,000
		2,018,336,994,428		2,018,316,994,428

7.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		110,250,000,000		110,250,000,000
- Công ty Cổ phần Sao Đỏ		-	120,000,000	12,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cộng		110,250,000,000		122,250,000,000
7.3 Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu				
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn	1,332,475	46,282,533,504	1,387,550	48,204,049,072
+ Công ty CP Xây dựng 565	25	244,536	25	244,536
Cộng		46,282,533,504		48,204,049,072

